TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HS-PT
Ngày: 28-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Đệ

Các Thẩm phán: Ông Triệu Quốc Hiếu

Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận là Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 66/2019/TLPT-HS, ngày 03 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo Phạm Văn Nh và Nguyễn Hoàng A, do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2019/HS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Bị cáo bị kháng cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Văn N** (tên gọi khác: Nh), sinh năm 1989 tại huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp P, xã Long P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L và bà Ngô Thị N; có vợ Nguyễn Thị Thanh H và 01con sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 24/9/2008 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long tuyên xử 10 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 45/2008/HSST. Ngày 07/5/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tuyên xử 01 năm tù về tội "Che giấu tội phạm" tại Bản án số 17/2012/HSST.

Bị cáo hiện tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Hoàng A** (tên gọi khác: H), sinh năm 1987 tại huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp Tân H, xã Tân Q, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Lê Kim X.

Tiền sự: Không.

Tiền án: có 01 tiền án. Tại bản án số 32/2014/HSPT ngày 10/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt Nguyễn Hoàng A 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; về trách nhiệm dân sự Nguyễn Hoàng A phải bồi thường cho bị hại số tiền 17.484.000 đồng nhưng tính đến ngày 28/12/2018 bị cáo A chưa thực hiện việc bồi thường cho bị hại.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2019 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại có kháng cáo:

1/ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1968. Có mặt.

Nơi ĐKHKTT: ấp B, xã Tân T, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: ấp Phú S, xã Long P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982. Có mặt.

Nơi ĐKHKTT: khu vực Đông B, phường Tân L, Quận T, thành phố Cần Thơ.

Tạm trú: ấp Phú S, xã Long P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Đối với những người tham gia tố tụng khác Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Văn Nh và bị cáo Nguyễn Hoàng A là bạn bè. Nh và A biết ông Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị L (sống với nhau như vợ chồng) đang chuẩn bị xây nhà nên có nhiều tiền và ông M, chị L hiện đang ở nhờ tại nhà bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1962, ngụ ấp Phú S, xã Long P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do không có tiền tiêu xài nên vào khoảng 01 giờ ngày 28/12/2018, N rủ A đi trộm cắp

tài sản thì được A đồng ý và cả hai cùng đến nhà của bà H, Nh đứng phía ngoài cửa sổ nhìn vào thấy ông M và chị L đã ngủ say, ở vị trí đầu nằm cặp mé mùng phía chị L có để 01 túi xách màu đỏ cùng 01 chiếc điện thoại. Lúc này, A đi đến vị trí gốc cây nhãn cách cửa nhà khoảng 15,4 mét để ngồi canh đường và cảnh giới cho Nh, còn Nh dùng tay đẩy cánh cửa chính bung ra (cửa ván, 02 cánh chỉ khép lại, không có khóa) đi vào nhà lại gần vị trí ông M và chị L đang ngủ, dùng tay trái vén mùng lên lấy điện thoại và túi xách rồi cùng A tẩu thoát. Nh và A đi đến đầu cầu ván cách nhà bà H khoảng 35,5 mét thì lục lấy tài sản trong túi xách. Sau đó Nh ném bỏ túi xách vào bụi cây gần đó rồi cùng nhau đi về phòng trọ của A để kiểm tra lại tài sản vừa lấy trộm được gồm:

- Tiền Việt Nam 96.559.000 đồng;

- 200 đô la Mỹ;

- 5.100 đô la Đài Loan;

- 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng;

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7;

Sau khi kiểm tra tiền và tài sản xong, Nhân chia cho Ân 50.000.000 đồng, số tiền và tài sản còn lại Nhân cất giữ.

Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, chị L thức dậy và phát hiện chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 và toàn bộ tài sản để trong túi xách gồm: 96.559.000 đồng tiền Việt Nam; 200 đô la Mỹ; 5.100 đô la Đài Loan; 01 sợi dây chuyền và mặt dây chuyền vàng 18kara, trọng lượng 15 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 18 kara, trọng lượng 02 chỉ; 01 thẻ ATM và 01 sổ tiết kiệm của ngân hàng AgriBank cùng một số giấy tờ tùy thân đã bị mất nên trình báo Công an xã Long P (tài sản của ông M gồm: 96.500.000 đồng và sợi dây chuyền vàng 18kara, có mặt, trọng lượng 15 chỉ; các tài sản còn lại là của chị L).

Trong hai ngày 28 và 29 tháng 12 năm 2018, Nh đưa số tiền 15.500.000 đồng cho anh Phạm Văn L (là anh ruột của Nh) để nhờ anh L đi chuộc lại hai xe môtô mà Nh đã cầm trước đó (anh L không biết số tiền Nh đưa là do Nh trộm cắp mà có).

Căn cứ vào kết luận định giá số 06/KL.ĐGTS ngày 24/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận:

- 01 sợi dây chuyền vàng 18kara, trọng lượng 14 chỉ x 2.590.000 đồng = 36.260.000 đồng.

- 01 mặt dây chuyền hình ông phật bằng cẩm thạch, đính vàng 18kara trọng lượng 01 chỉ: 2.590.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn vàng 18kara trọng lượng 02 chỉ: 5.180.000 đồng.

- 200 đô la Mỹ (USD) x 23.200đ/USD = 4.640.000 đồng.

- 5.100 đô la Đài Loan (TWD) x 758,82 đ/TWD = 3.869.982 đồng.

- 01 điện thoại Samsung J7: 2.600.000 đồng.

Tổng tài sản định giá là: 55.139.892 đồng (Năm mươi lăm triệu một trăm ba mươi chín nghìn chín trăm tám mươi hai đồng).

Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại: 96.559.000 đồng + 55.139.892 đồng = 151.698.892 đồng (Một trăm năm mươi mốt triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn tám trăm chín mươi hai đồng).

Ngày 03/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T mời Phạm Văn Nh và Nguyễn Hoàng A đến làm việc. Nh và A đã thừa nhận toàn bộ hành vi lấy trộm tài sản của ông M và chị L tại nhà của bà Nguyễn Thị Tuyết H vào đêm 28/12/2018 và giao nộp lại các tài sản gồm:

- Vật chứng do Phạm Văn Nh giao nộp: 01 tờ đô la Mỹ (USD) mệnh giá 100 USD có số sêri JL 48504664B; 01 tờ đô la Mỹ (USD) mệnh giá 100 USD có số sêri LL 69699057F; 01 chiếc nhẫn loại cà rá bằng kim loại màu vàng, mặt trong có ký hiệu "JD610YEN"; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung DUOS có số IMEI 1: 352462071869677/04 và số IMEI 2: 352463071869675/04.

- Tiền do Phạm Văn Nh giao nộp: 43.059.000 Việt Nam đồng; 05 tờ mệnh giá 1.000 đô la Đài Loan; 01 tờ mệnh giá 200 đô la Đài Loan.

- Tiền do Nguyễn Hoàng A giao nộp: 51.400.000 Việt Nam đồng.

- Thu tại mé kênh nước trên đường vào nhà bà H: 02 hộp nhựa loại đựng nữ trang màu cam, kích thước 03cm x 05cm và kích thước 02cm x 3,5cm, trên nắp hộp có ký hiệu "KIMTON2".

- Thu tại bụi cây gần đầu cầu ván nơi bị cáo Nh và A khai ngồi lục tìm tài sản trong túi xách: 01 giỏ xách nữ bằng da, màu đỏ, có hai quay xách vải đỏ ốp 02 miếng kim loại màu vàng, kích thước 10cm x 27cm x 18cm; 01 cái bóp da nữ màu

xám, nút bằng kim loại có kích thước 04cm x 19cm x 11cm; 01 thẻ bảo hiểm mã số GD 4797937467147 mang tên Nguyễn Thị L; 01 giấy đăng ký xe môtô biển số 62M1 - 363.86 mang tên Trần Hữu T; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 59X1 - 822.52, mang tên Nguyễn Thị T; 01 giấy phép lái xe số 791057226735 mang tên Nguyễn Thị L; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Đông Á mang tên Nguyễn Thị L; 01 thẻ ATM của Ngân hàng VietcomBank mang tên Nguyễn Thị L; 01 thẻ ATM của Ngân hàng AgriBank mang tên Nguyễn Thị L; 01 thẻ khám bệnh số 9704280801377985 mang tên Nguyễn Thị L; 01 chứng minh nhân dân số 362104910 mang tên Nguyễn Thị L; 01 sổ tiết kiệm số AD00006908417 của Ngân hàng AgriBank mang tên Nguyễn Thị L; 01 tờ giấy tập học sinh có tựa đề "Giấy hợp đồng mua bán đất".

Về xử lý vật chứng: Ngày 24/3/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành trao trả cho ông Nguyễn Văn M số tiền 94.400.000 đồng; trao trả cho chị Nguyễn Thị L các tài sản gồm: 02 hộp nhựa loại đựng nữ trang màu cam, kích thước 03cm x 05cm và kích thước 02cm x 3,5cm, trên nắp hộp có ký hiệu "KIMTON2"; 01 tờ đô la Mỹ (USD) mệnh giá 100 USD có số sêri JL 48504664B; 01 tờ đô la Mỹ (USD) mệnh giá 100 USD có số sêri LL 69699057F; 01 chiếc nhẫn loại cà rá bằng kim loại màu vàng, mặt trong có ký hiệu "JD610YEN"; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung DUOS có số IMEI 1: 352462071869677/04 và số IMEI 2: 352463071869675/04; 5.100 đô la Đài Loan; 200 đô la Mỹ; 01 giỏ xách nữ bằng da, màu đỏ, có hai quay xách vải đỏ ốp 02 miếng kim loại màu vàng, kích thước 10cm x 27cm x 18cm; 01 cái bóp da nữ màu xám, nút bằng kim loại có kích thước 04cm x 19cm x 11cm; 01 thẻ bảo hiểm mã số GD 4797937467147 mang tên Nguyễn Thị L; 01 giấy đăng ký xe môtô biển số 62M1 - 363.86 mang tên Trần Hữu T; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 59X1 - 822.52 mang tên Nguyễn Thị Tr; 01 giấy phép lái xe số 791057226735 mang tên Nguyễn Thị L; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Đông Á; 01 thẻ ATM của Ngân hàng VietcomBank; 01 thẻ ATM của Ngân hàng AgriBank các thẻ đều mang tên Nguyễn Thị L; 01 thẻ khám bệnh số 9704280801377985 mang tên Nguyễn Thị L; 01 chứng minh nhân dân số 362104910 mang tên Nguyễn Thị L; 01 sổ tiết kiệm số AD00006908417 của Ngân hàng AgriBank mang tên Nguyễn Thị L; 01 tờ giấy tập học sinh có tựa đề "Giấy hợp đồng mua bán đất"; tiền Việt Nam là 59.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2019/HS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17 Bộ luật hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn Nh, Nguyễn Hoàng A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ vào Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn Nh 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2.2. Căn cứ vào Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng A 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày 04/01/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Nguyễn Thị L đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bồi thường gì đối với các bị cáo nên không xem xét giải quyết.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Phạm Văn Nh bồi thường cho ông Nguyễn Văn M số tiền 22.925.000đ (hai mươi hai triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng A bồi thường cho ông Nguyễn Văn M số tiền 18.025.000đ (mười tám triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/5/2019, bị hại ông Nguyễn Văn M kháng cáo yêu cầu bị cáo Nh và bị cáo A bồi thường cho ông số tiền 40.950.000đ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 30/5/2019; Bà Nguyễn Thị L kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với 02 bị cáo, cụ thể đề nghị xử bị cáo Nh mức hình phạt tù cao hơn so với bị cáo A.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa bị hại Nguyễn Văn M rút kháng cáo. Xét việc rút kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần rút kháng cáo của ông M.

Đối với kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị L: Các bị cáo bị truy tố theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2019 có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo Nh theo quy định tại điểm b, s khoản 1,2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo A có các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử hai bị cáo Â và Nh với mức án 03 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại L.

Bị hại trình bày:

- Ông Nguyễn Văn M xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, đồng ý với nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên.

- Chị Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị tăng nặng hình phạt đối với hai bị cáo, trong đó xử bị cáo Nh mức án cao hơn bị cáo A.

Bị cáo Phạm Văn Nh và Nguyễn Hoàng A trình bày: đồng ý với Bản án sơ thẩm đã xử, đối với kháng cáo của ông M và chị L do Hội đồng xét xử quyết định.

Bị cáo nói lời sau cùng: hai bị cáo không trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị cáo Phạm Văn Nh và bị cáo Nguyễn Hoàng A trình bày: Vào khoảng 01 giờ ngày 28/12/2018, Nh rủ A đi trộm tài sản thì A đồng ý. Nh và A đi đến nhà của bà H trộm tài sản của ông M và chị L. Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm được theo kết luận định giá số 06/KL.ĐGTS ngày 24/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T là: 151.698.892 đồng (Một trăm năm mươi mốt triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn tám trăm chín mươi hai đồng). Trong số các tài sản lấy trộm thì tài sản của ông M

gồm: 96.500.000 đồng và sợi dây chuyền vàng 18kara, có mặt, trọng lượng 15 chỉ; các tài sản còn lại là của chị L.

Xét lời khai nhận của hai bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu được, cùng những chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa, các bị cáo không kháng cáo Bản án sơ thẩm. Do đó, cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Nh và A phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo có đầy đủ nhận thức, có trình độ hiểu biết, là thanh niên trẻ, có sức khỏe để lao động chân chính tạo ra của cải vật chất phục vụ cho cuộc sống hằng ngày nhưng các bị cáo lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại một cách trái pháp luật, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý đúng mức, tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung trong xã hội.

Các bị cáo bị truy tố theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2019 có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù.

Đối với bị cáo Nh là người trực tiếp rủ bị cáo A đi trộm cắp tài sản, A cũng trực tiếp thực hiện hành vi lấy tài sản của bị hại, còn bị cáo A thì đứng canh đường và cảnh giới để tạo điều kiện cho Nh lấy tài sản. Sau khi lấy được tài sản thì Nh chia cho A 50.000.000đ, số còn lại Nh giữ, nên trong vụ án này bị cáo Nh giữ vai trò chủ đạo hơn bị cáo A.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nh theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Nh không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo A, ngoài các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo còn có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do đó, cấp sơ thẩm tuyên xử hai bị cáo A và Nh đồng mức án 03 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật nên giữ nguyên phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với hai bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn M yêu cầu bị cáo Nh và A liên đới bồi thường cho ông số tiền 40.950.000đ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày

21/5/2019. Tại phiên tòa phúc thẩm ông M đã rút toàn bộ kháng cáo. Xét việc rút kháng cáo của ông M là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên đình chỉ xét xử phúc thẩm theo Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Đối với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: bị hại không phải chịu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị L.

Chấp nhận việc rút kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn M.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2019/HSST ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Nh và Nguyễn Hoàng A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Nh 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng A 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 04/01/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn M. Bản án sơ thẩm số 17/2019/HSST ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện T về phần trách nhiệm dân sự có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Án phí phúc thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị hại Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn M không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND +VKSND HT: 02;
- CQTHADS HT: 01;
- CQTHAHS HT: 01;
- B/C: 01;
- P HỒ SƠ-CAVL: 01
- STP: 01; Trại Giam: 02;
- UBND xã LP, xã TQ:02
- TNV+P KTNV:02;
- Lưu: 04 .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Đệ

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Quốc Hiếu **Huỳnh Thị Kiều Duyên** **Lê Thành Tân**

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Quốc Hiếu **Huỳnh Thị Kiều Duyên** **Lê Thành Tân**

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Quốc Hiếu **Nguyễn Hữu Tuấn** **Lê Thành Tân**

Nơi nhận:
- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND +VKSND HTB : 02;
- CQTHADS HTB : 01;
- CQTHAHS HTB : 01;
- B/C: 01;
- P HỒ SƠ-CAVL: 01
- STP: 01; Trại Giam: 01;
- UBND xã Mỹ Lộc:1
- TNV+P KTNV:02;
- Lưu: 04 .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Tân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Quốc Hiếu **Huỳnh Thị Kiều Duyên** **Lê Thành Tân**